

## PHẦN B

### Mười Hối Hương.

(1) *Hối hương cứu giúp tất cả chúng sanh* nhưng không chấp tướng, chủ yếu tu thí Ba-la-mật, chín Ba-la-mật kia là thứ yếu (nghĩa phương nam như trước). Nước tên Quảng Đại. Vị này chuyển tâm giải thoát riêng mình của mười trụ, mười hạnh vào trong sanh tử, hòa hợp sanh tử Niết-bàn. Sự thăng tiến giáo hóa chúng sanh, đạt hương trí huệ, thành tựu hạnh Phổ Hiền của Bồ-tát năm vị đều bắt đầu từ đây nên nước tên Quảng Đại. Trưởng giả tên Chúc Hương, vì có khả năng làm hòa hợp các loại hương, tức là điều phục được sanh tử, thanh tịnh trí bi lớn và năm phần hương: Giới, định, huệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, huân tập chúng sanh để chúng phát tâm. Dung hợp sự giải thoát xuất thế gian với sanh tử, thành tựu trí bi lớn, hợp thành một thể không hai. Sự giải thoát ấy không mất, hòa cùng một thể với sanh tử. Ví như nước sạch trong bùn, như ngọc Ma Ni làm sạch nước. Vì nước ấy vốn không nhơ. Lại như cỏ thối trong rừng Chiên Đàn, hoa sen trong bùn, như một lạng A trạch ca được làm biến đổi cả ngàn lạng đồng sắt thành vàng ròng, chỉ một chỗ vàng, không còn tánh đồng sắt. Những ai sống với trí căn bản sáng suốt trong giây lát là biến ác nghiệp vô minh từ lâu xa thành biển bi trí lớn của Như Lai. Ví như hòa lẫn các hương được thành một khối, hương tỏa hòa quyện nhau tạo thành hương thơm vi diệu nhưng hương không tự biết, thuận tạp tùy ý. Mỗi một hương không có sự hòa hợp hay phân tán. Vì thế Bồ-tát hòa trí thanh tịnh với thể sanh tử, biến bốn vạn tám ngàn trần lao của chúng sanh thành biển bi trí lớn. Sanh tử không nhơ, trí chẳng thanh tịnh, nghĩa là trong nhiễm tịnh, mọi thứ đều là giải thoát. Trưởng giả tên Thanh Liên Hoa, tượng trưng cho việc ở trong sanh tử nhưng không đắm nhiễm. Cũng như vị hồi hương, chuyển tâm xuất thế của mười trụ, mười hạnh vào trong sanh tử, thành tựu từ bi lớn, không đắm nhiễm nên tiên biểu bằng người thế tục. Trưởng giả Thanh Liên Hoa. Vị thứ nhất của mười trụ, mười hạnh đều tiêu biểu bằng Tỳ kheo, biểu hiện phần nhiều là tâm xuất thế. Khi đã đạt tâm xuất thế, vào trong sanh tử, làm mọi việc độ sanh nên vị hồi hương này mượn người thế tục để tiêu biểu. Ý phần sau suy xét sẽ biết. Vì chuyển tâm chơn như vào thế tục. Sống trong trần lao nhưng không đắm nhiễm bụi trần. Trưởng giả nói: Ta biết tất cả các loại hương nhưng vì tất cả chúng sanh đều có đủ hương năm phần pháp thân, chỉ vì thời gian phát tâm chưa đến. Biết các hương đốt vì ở trong sanh tử giáo hóa

chúng sanh để chúng biểu đạt, đốt sạch phiền não. Biết các hương xoa vì ở trong sanh tử an ủi khuyên nhủ chúng sanh để chúng vui vẻ phát tâm. Biết các hương bột vì làm cho chúng sanh nghiền nát phiền não. Biết nơi phát xuất của loại hương quý nhất (vương hương), đó là hương trí căn bản xuất hiện. Ở trong vô minh hiểu rõ vô minh, thành tựu trí căn bản và sự hiểu biết của Phật. Tự Tại là vương (vua) vì mọi cảnh vật không đắm nhiễm được. Tám bộ chúng trời rồng... có tám loại hương, vì hòa hợp tám chúng trời, người, suy xét sai lệch thành tám đường chánh. Lại có mười ba thứ hương như thiện ác, thọ dụng... là hòa hợp mười hai phiền não thiện ác của căn cảnh nơi sáu đường và sự thọ dụng bằng hiểu biết của bậc Thánh thành mười ba. Những hương khác ở phần sau là trí sai biệt của năm vị. Vô số hương là tướng sanh khởi của mười trụ đều nêu vị sau sanh ra vị trước để người tu hành tiến mãi không dừng, tiếp tục nỗ lực, nhanh chóng tăng trưởng trí bi, kỹ xảo, không vương mắc một pháp. Hơn thế, từ trụ thứ nhất đến trụ thứ ba tâm xuất thế hiển hiện. Trụ thứ tư, trưởng giả Di Già ở chợ là chuyển tâm xuất thế của những vị trước, biết ngay nơi ồn náo là tâm xuất thế vì được sanh khởi từ tâm vào trong sanh tử, không mong ra khỏi đời, thành tựu hạnh từ bi của trụ thứ bảy và hai trụ bốn, bảy. Mười trụ được sanh khởi từ mười hạnh, mười hạnh được sanh khởi từ mười hồi hương năm vị đều như vậy. Nếu không đạt một pháp như thế thì tự cho mình đầy đủ không mong cầu. Ở thế gian có một loại hương tên Tượng Tạng vì do rồng đánh nhau mà có. Tượng (voi) là vật có sức mạnh, với đầy đủ công dụng lớn. Vì trí căn bản bị tham, sân, si che lấp, nay dùng sức quán chiếu định huệ, đánh nhau với tham, sân, si mới có được hương ấy. Chỉ đốt một nén hương này, khói xông khắp thành như hư không. Cảnh giới sanh tử là thành, bậc trí ở trong đó, bảy ngày mưa hương thơm, toàn thân một màu vàng óng. Vì đánh nhau với vô minh, trí căn bản hiển hiện thanh tịnh không nhờ. Từ trí căn bản có trí sai biệt nên giảng pháp vi diệu với bảy tài bảo thanh tịnh. Những ai lãnh hội được, thân tâm thanh tịnh, trong sạch nên có màu vàng óng. Y phục, cung điện, nhà cửa đều màu vàng là những pháp trợ đạo từ bi hỷ xả... Vì mọi hạnh đều bắt đầu từ trí căn bản. Gió thổi hương bay vào cung điện nghĩa là nhờ gió thuyết pháp thổi vào tâm chúng sanh khiến chúng tin nhận, quán bảy phần giác là bảy ngày bảy đêm. Vui mừng là pháp lạc (rõ như trong kính). Từ “Hương Tượng Tạng” này trở về sau có mười vị hương mà năm vị đều đủ, như mười trụ, mỗi trụ tương xứng một loại hương. Mười hạnh, mười hồi hương, mười địa đều thế. Như hương trong núi tuyết thứ năm tiêu biểu cho thiền định;

hương trong cõi La sát thứ sáu. Vì trí huệ như quả dữ ăn thịt uống máu chúng sanh. Mượn sự khỏe mạnh để tiêu biểu cho pháp của vị ấy. Vì quả dữ trí huệ phá dẹp vô minh, không gì hơn được. Hương của cõi La sát tên Hải Tạng, vì trí huệ là biển lớn. Hương này chỉ Chuyển luân vương sử dụng vì vị thứ sáu thành tựu Bát-nhã Ba-la-mật mới thuyết pháp như Luân vương. Đốt một nén hương cùng bốn bộ binh bay lên hư không vì đến vị Bát-nhã Ba-la-mật, pháp thuyết giảng và bốn biện tài đều hợp với sự trống không. Mỗi thứ đều mượn hình tượng để biểu hiện, khi biểu hiện pháp sẽ bỏ hình tượng. Từ câu: “Chỉ ta biết cách hòa hợp các loại hương” trở về sau là nói về sự thăng tiến. Vì vị hồi hương chuyển tâm ra khỏi sanh tử của mười trụ, mười hạnh, vào trong sanh tử nhưng không đắm nhiễm, phát khởi hạnh nguyện Phổ Hiền, cùng một thể với bi trí lớn của mười địa và đẳng giác và mười địa đều hành hạnh dung hòa trí căn bản và hạnh Phổ Hiền. Trong phần trước chép: Từ đầu gối phóng ánh sáng nói mười hồi hương. Vì đầu gối tự do co duỗi, nghĩa là vị này tại dung hợp sanh tử-Niết-bàn nên mượn vị Chúc Hương để tiêu biểu.

(2) **Hồi Hương không hoại:** Chu yếu tu giới Ba-la-mật, chín Ba-la-mật kia là thứ yếu. Vì thể của giới ở vị này là thân trí không hoại, pháp thanh tịnh. Thể của giới thanh tịnh là từ bi lớn. Ở trong sanh tử thế gian nhưng biết tánh sanh tử thanh tịnh. Với người mê muội, mọi thứ là dây trói, với người tỏ ngộ thì mọi thứ đều là chơn như. Ở phương nam (nghĩa phương nam như trước) có thành lớn tên Lô Các. Vì dùng trí sai biệt quán sát căn tánh khác nhau của chúng sanh là lâu; dùng trí rộng lớn tùy khả năng, tùy thời cơ giáo hóa chúng sanh là gác. Có vị thuyền trưởng tên Bà Thi La (Trung Hoa dịch là Tự Tại) vị này sống trong sanh tử bằng tịnh giới nên là Tự Tại. Vị này ở ngoài cửa thành là để giáo hóa chúng sanh. Không riêng hưởng công đức trí huệ mà hòa mình chỉ dạy chúng sanh. Trên bờ biển là vì vị này dùng từ bi làm thể của giới, vào biển sanh tử để độ chúng sanh không trái thời cơ như thủy triều lên xuống chừng mực. Trăm ngàn thương buôn và vô số người vây quanh là trọn vẹn muôn hạnh. Thuyền trưởng nói: Ta ở trên biển của thành này, thanh tịnh tu tập hạnh từ bi của Bồ-tát tức là ở trong dòng xoáy sanh tử tu tập hạnh từ bi của Bồ-tát. Ở trong sanh tử nhưng không bị sanh tử lay chuyển, phá trừ quân sanh tử. Thuyền trưởng tiêu biểu cho hai ý: 1) Bồ-tát thường ở trong đời cứu giúp chúng sanh, cùng sống với phàm phu, làm thuyền trưởng dẫn các thương buôn, biết nơi châu báu, hiểu rõ chủng loại châu báu, định đoạt giá cả. Nếu không phải là bậc

Thánh thì không thể biết được. 2) Tiêu biểu cho pháp. Nghĩa là vị này lấy từ bi làm giới thể. Mười trụ mười hạnh ra khỏi sanh tử, vị này quay trở lại sanh tử, cứu vớt chúng sanh đang trôi dạt trong biển sanh tử. Vì thế thuyền trưởng nói: Người nghe pháp ta mà không sợ sanh tử sẽ đạt nhất thiết trí (rõ như trong kính). Từ câu: “Chỉ ta đạt pháp từ bi lớn” trở về sau là nói về sự thăng tiến.

(3) **Hồi Hương đồng Phật**: Chủ yếu tu nhân Ba-la-mật, chín Ba-la-mật kia là thứ yếu (nghĩa phương nam như trước) Thành tên Kha Lạc. Vị trước giải thích thành là sự thăng tiến. Ở đây thành là sự phòng hộ. Vì không khởi tâm sân giận ganh ghét. Thành Khả Lạc là vì luôn hành hạnh nhẫn nhục. Gặp trưởng giả Vô Thượng Thắng ở phía đông thành, vì phía đông là mùa xuân, mùa của cây cỏ đâm chồi nảy lộc. Vị này ở trong rừng Đại Trang nghiêm Tràng Vô Ưu là vì thành tựu hạnh nhẫn nhục, không còn lo sợ. Vô số thương buôn là mong cầu pháp bảo. Trăm ngàn cư sĩ là ở trong đời nhưng luôn sống với chơn như. Vây quanh trưởng giả là trọn vẹn hạnh độ sanh. Gặp trưởng giả, Thiện Tài cúi lạy sát chân, một lúc lâu mới đứng lên là nhờ hạnh nhẫn nhục kính lạy trí sâu xa. Trưởng giả Vô Thượng Thắng nói: Ta thành tựu thần thông đi lại khắp mọi nơi nhưng không nương tựa, không tạo tác. Đầu tiên ta đi lại khắp Tam thiên Đại thiên cảnh giới, tiếp đến ta đi lại khắp cõi đời ba mươi ba và những nơi ở của rồng thần... tám bộ, cho đến vô số cõi nước ở mười phương như đi ngục... Ta hóa thân như chúng để giáo hóa khiến chúng vui vẻ, tùy khả năng lãnh hội, tất cả đều thoát khổ. Vì khi thành tựu hạnh nhẫn, trí không nương tựa hiển hiện. Trí này không ở trong lớn nhỏ, không ở trung tâm hay biên giới. Không đi mà đến, không thuộc ba đời, ngang bằng pháp giới. Đó chính là không thần thông nhưng lại có thần dụng đầy đủ đầy đủ công dụng, không tạo tác nhưng có hình thành công dụng cùng khắp. Trong sáu nẻo mười phương, sống với chúng sanh, tùy chủng loại hiện hình, tùy khả năng chỉ dạy, sống với chúng sanh nhưng chúng sanh không thấy khác lạ. Từ cõi trời, người... mười phương đều như vậy. Đó là đạo thường của Phổ Hiền, là gương sáng cho người tu hành, ai chưa đạt thì vui tu để đạt. Tất cả đều như thế. Từ câu: “Chỉ ta biết pháp thần thông không nương tựa, không tạo tác, đi khắp mọi nơi của Bồ-tát”. Trở về sau là nói sự thăng tiến. Ba vị đầu của mười hồi hương đều vào trong sanh tử thành tựu hạnh từ bi nên tiêu biểu bằng ba cư sĩ: Trưởng giả Thanh Liên Hoa, thuyền trưởng Tự Tại, trưởng giả Vô Thượng Thắng, những người thế tục. Đến đoạn: “Ở phía nam có nước Du Na, Tỳ kheo ni Sư tử Tần Thân”, là từ bi xuất

thế gian ngay trong sanh tử của mười hồi hướng. Ni là từ bi, Tỳ kheo là tướng xuất thế. Hạnh từ bi thanh tịnh ra khỏi sanh tử có ngay trong sanh tử. Điều đó muốn nói người tu hành phải hiểu tánh sanh tử là thanh tịnh. Thương thay! Những kẻ không hiểu biết phải ở mãi trong sanh tử, chẳng biết bao giờ ra khỏi.

(4) **Hồi Hướng đi khắp mọi nơi**, vì với hạnh tinh tấn, vào trong sanh tử, qua lại khắp các cõi ác. Vị này chủ yếu tu hạnh tinh tấn Ba-la-mật, chín Ba-la-mật kia là thứ yếu (nghĩa phương nam như trước). Nước tên Du Na (Trung Hoa dịch là Dũng Mãnh) vị này ở trong sanh tử hành hạnh từ bi lớn như hư không. Tùy căn tánh của chúng sanh, thị hiện thân hình khắp sáu nẻo, cứu độ tất cả. Đó là do hạnh tinh tấn. Thành tên Ca Lăng Lâm (Trung Hoa dịch là Dấu Tránh Thời). Vị này ở trong đời nhưng không đắm nhiễm. Với tâm từ bi, vị này đi vào đời hòa giải mọi sự tranh giành. Tỳ kheo ni tên Sư tử Tần Thân là đặt tên theo hạnh đức. Trí thanh tịnh như Sư tử. Ở mãi trong sanh tử, với tâm từ bi cứu độ chúng sanh, không quản mệt nhọc, luôn vui vẻ là Tần Thân. Sư tử Tần Thân là thoái mái vui vẻ. Vị này ở trong vườn Thắng Quang vương xá thí là Tự Tại trong sanh tử hành hạnh từ bi ra khỏi sanh tử. Vườn xá thí là pháp từ bi. Vì ở trong sanh tử nhưng vượt khỏi sanh tử, lấy sự thực hành từ bi bố thí làm niềm vui cho chính mình. Vị này dùng trí căn bản sáng suốt, tùy ý hiện thân tạo lợi ích khắp mười phương. Từ một thân hóa hiện vô số thân, sống chung với tất cả chúng sanh thành tựu trí sai biệt. Vì hạnh tinh tấn từ bi này bao gồm tất cả chúng sanh trong sáu nẻo mười phương thành một, luôn hành hạnh từ bi, đem lại lợi ích cho chúng sanh để chúng sanh thoát khổ được vui, phát tâm Bồ Đề, thành tựu đạo vô thượng. Ở mãi trong vườn ấy, nếu chưa độ hết chúng sanh thì không ra khỏi. Các Bồ-tát đều hành hạnh ấy. Vì chúng sanh vốn là chơn như nên tiêu biểu là Tỳ kheo ni Sư tử Tần Thân. Trong vườn có vô số cây báu cao đẹp, nhà cửa... đều là quả báo tốt đẹp của hạnh nguyện (rõ như trong kinh). Từ câu: “Chỉ ta thành tựu Nhất thiết trí” trở về sau là nói về sự thăng tiến.

(5) **Hồi Hướng vô số công đức**. Chủ yếu tu thiền Ba-la-mật, chín Ba-la-mật kia là thứ yếu. Phía nam có nước tên Hiểm Nạn, vì người nữ thông hiểu xảo thuật là trái với chân lý, người nghe khó tin. Thành tên Bảo Trang nghiêm là đạt đến đích nhưng với tâm từ bi, luôn ở trong biển sanh tử đem lại lợi ích cho chúng sanh, cùng sống với chúng sanh, biết tánh năm dục là không, không ngoài thể của thiền. Từ bi có ngay trong cõi đời với trí lớn. Ở trong thế tục nhưng không đắm nhiễm. Thông

thường, người vì sợ cảnh giới thế gian nên xa lánh thế gian, đó là nhi thừa. Kẻ đắm nhiễm yêu thích thế gian là phàm phu, Bồ-tát không giống hai hạng ấy, chỉ vì lòng từ bi nên ở trong sanh tử, cùng sống với chúng sanh, hiểu rõ cảnh giới thế gian và sanh tử vốn không, dùng trí hóa hiện thân hình ở trong thế gian như bóng, như người ảo hóa, tuy ở trong thế gian nhưng thế gian không làm cho đắm nhiễm được, lại chẳng có tâm đắm nhiễm nơi thế gian. Với lòng từ bi, ở trong đời làm mọi việc như chúng sanh. tuy ở thế gian nhưng biết thế gian là huyễn hóa, thân mình cũng giả tạm. Dùng trí đi vào đời nhưng đời không lay chuyển được, vì thế gian vốn không. Do vậy tuy ở trong thế gian nhưng luôn đứng ngoài cảnh dục. Với lòng từ bi ở trong sanh tử, tùy thuận thế gian tạo lợi ích cho mọi loài, đạt công đức lớn nên vị thứ năm này có tên là Vô Số Công Đức, thành tên Bảo Trang Nghiêm. Trí vốn không sáu dục nhưng vì nhằm đem lại lợi ích cho chúng sanh nên làm mọi việc. Vì thế trong kinh Tịnh Danh nêu rõ: Tuy hưởng thụ năm dục nhưng lại hành thiện định để chúng ma mê loạn không tìm được cơ hội. Trong lửa có hoa sen là hiếm, ở trong dục mà hành thiện cũng khó có. Vị này dùng từ bi làm thể của thiện ở trong thế gian nhưng không đắm nhiễm nên tiêu biểu bằng Cô Bà Tu Mật. Đó là hạnh từ bi của tất cả Bồ-tát. Người nữ thì không có hạnh thế-xuất thế, không có hạnh lìa thế gian, cũng chẳng có hạnh Bồ-tát. Vì hạnh của chúng sanh nhiều nên hạnh của Bồ-tát cũng nhiều. Khi chúng sanh hết bệnh, hạnh Bồ-tát không còn. Vị Tỳ kheo ni trước vào trong sanh tử thành tựu hạnh từ bi, đạt hạnh từ bi giải thoát thế gian đi vào cõi năm dục. Nghĩa là tâm từ bi của Bồ-tát không đắm nhiễm nhưng dường như đắm nhiễm, dường như đắm nhiễm nhưng thật không đắm nhiễm. Thị hiện hưởng thụ năm dục nhưng không mất hạnh người nữ, chẳng mất thiện vì tự tánh là không tạo tác. Cảnh giới mười phương tùy theo sự nhìn nhận của chúng sanh mà có sai khác, thân hình cũng sai khác. Thiện Tài gặp Bà Tu Mật (Trung Hoa dịch là Thế Hữu), tùy cảnh giới thế gian thị hiện thân hình ai cũng là bạn nên không xa cách, khiến mọi loài lìa khổ được vui. Thế Hữu ở phía bắc của thành. Vị này xem sanh tử trần lao là thành, mọi pháp vắng lặng là nhà. Nhà của vị này cao, rộng, xinh đẹp. Tất cả phòng, vách, tường, gác, vườn cây đều được trang trí bằng báu vật. Vì thể của thiện là cùng khắp, trọn vẹn mọi hạnh. Đó là quả báo tốt đẹp. Những ai nghe pháp sẽ được gần gũi, được lợi ích, bỏ ham dục (rõ như trong kinh). Nhà ở phía bắc thành vì phía bắc được tiêu biểu bằng thần Huyền Vũ, là nơi ở của kẻ gian tà đạo tặc. Bồ-tát ở trong thành ấp vô minh sanh tử dẫn dắt để chỉ dạy

kẻ mê mờ quay về chánh kiến, làm việc tham dục là phương tiện giáo hóa kẻ ngu. Thiện Tài hỏi: “Tu hạnh gì để đạt tự tại như thế?”, người nữ đáp: Vào thời xa xưa, có đức Phật tên Cao Hạnh, vì thể của thiên thù thắng cao cả vượt ngoài sự hiểu biết của tình thức. Nước tên Diệu Môn vì từ định phát huệ. Đức Phật vào cửa thành, mọi thứ ở đó đều lay chuyển là định huệ tương xứng, phá sạch phiền não. Thành ấy tự nhiên rộng ra, được trang trí bằng báu vật vì tương xứng với thể của thiên, không còn thấy trong ngoài, ngang bằng hư không, không mất thể của định. Vào thành sống chung với chúng sanh để chỉ dạy chúng nên được sự báo ứng tốt đẹp vì không rời thể tự tại của thiên định. Ta là người chủ, người vợ. Thiên định là chồng, từ bi là vợ. Vì không mất tâm thiên, nhưng vì lòng từ bi tùy thuận thế gian mà không đắm nhiễm. Ta đem một đồng vàng cúng dường Phật, vàng là vật trao đổi mua bán quý nhất, trí huệ là pháp cao thượng nhất. Văn Thù Sư Lợi là thị giả Phật. Là trí huệ mẫu nhiệm của trí căn bản. Trí căn bản là thể của định. Sanh khởi trí mẫu nhiệm là thị giả giáo hóa chúng sanh, phát tâm Bồ Đề là sự tự tại của Bồ-tát. Vì không rời tâm định mà tùy thuận thế gian. Từ bi trí huệ của Bồ-tát là thể của thiên, ở trong chợ sanh tử bụi nhơ hay thanh tịnh không cản trở thiên định. Sự ồn náo thanh tịnh không có trong tánh thiên. Từ câu: “Chỉ ta biết pháp giải thoát tham dục” trở về sau là nói sự thăng tiến.

(6) *Hồi hương tùy thuận kiên cố*, chủ yếu tu Bát-nhã Ba-la-mật, chín Ba-la-mật kia là thứ yếu (nghĩa phương nam như trước). Thành tên Thiện Độ. Vì vị này thành tựu trí bi vượt bờ, khéo léo chỉ dạy chúng sanh. Cư sĩ tên Tỳ Sát Phi La (Trung Hoa dịch là Bao Nhiếp). Vì vị này có trí rộng lớn, bao hàm muôn hạnh, hóa độ tất cả chúng sanh, thường cúng dường tòa Chiên Đàn nơi tháp Phật. Chiên Đàn là loại cây thơm, trị được nọc độc của rắn. Cư sĩ này thường ngồi nơi tòa thơm giải thoát, trí huệ, xoa dịu phiền não nóng bức của chúng sanh. Tháp là nơi thờ hình tượng Phật. Tháp này chỉ đặt một tòa Chiên Đàn, trên tòa không đặt tượng Phật, tiêu biểu cho sự an tọa nơi pháp tòa là trí huệ trống không, đó là tháp Phật. Trí huệ trống không là pháp giải thoát, mở tháp tòa Chiên Đàn là đạt Tam muội nên nói hạt giống Phật không mất. Vì trí huệ trống không, không tạo tác hiển hiện, thấy rõ ba đời của các đức Phật, đó là sự tồn tại vĩnh viễn của Phật, trí huệ trống không, không tạo tác, không sanh diệt, tạo tác nhưng luôn tịnh định. Tất cả các đức Phật đều có công dụng tự tại trước sanh tử, như tiếng vang trong hư không, có khắp mười phương không đến đi. Vì thế cư sĩ cúng dường tòa Chiên

Đàn trong tháp Phật, đạt pháp tồn tại vĩnh viễn của Phật. Thể của tòa này là trí huệ trống không, nên tòa Chiên Đàn trong tháp Phật không có tượng Phật. Đó là pháp không diệt độ của Phật. Trí trống không là Phật, không diệt độ vì chỉ đến xem, đo đạt, ra đi, nên thành tên Thiện Độ. Từ câu: “Chỉ ta biết pháp giải thoát không diệt của Bồ-tát” trở về sau là nói sự thắng tiến.

(7) **Hồi hướng tùy thuận chúng sanh.** Trong năm vị, vị thứ bảy của mỗi vị đều dùng trí trống không thứ sáu, tùy thuận chúng sanh. Ở trong sanh tử thành tựu hạnh từ bi lớn. Vị này chủ yếu là phương tiện Ba-la-mật, chín Ba-la-mật kia là thứ yếu (nghĩa phương nam như trước). Núi tên Bồ Hề Lạc Ca (Trung Hoa dịch là Tiểu Bạch Hoa Thọ). Núi này có nhiều cây hoa trắng biểu hiện cho Bồ-tát Quan Thế Âm hành hạnh từ bi, giáo hóa chúng sanh, khiến chúng không gây một lỗi nhỏ, không bỏ một pháp lành nhỏ, làm mọi pháp lành. Vì lớn bắt đầu từ nhỏ, như từng giọt sương nhỏ đông lại thành băng, từng hòn sỏi nhỏ làm nên núi cao. Đó là dùng chánh pháp ngăn ngừa lỗi nhỏ thì lỗi lớn không có, làm pháp lành nhỏ dần thành pháp lành lớn. Vì tánh của các pháp trống không, không do tâm sanh, không có phải trái. Vì thế Bồ-tát Quan Thế Âm hành hạnh từ bi ở trên núi Tiểu Bạch Hoa. Trong bản kinh cũ chép: Tự tại là sai. Bản kinh mới chép: Quan Thế Âm là đúng, vì tiêu biểu cho nghĩa từ bi. Thiện Tài thấy Quan Thế Âm ở trong hang núi phía tây, thiền tọa trên tòa đá báu. Vô số Bồ-tát vây quanh. Vì với hạnh từ bi trí. Bồ-tát luôn ở trong cõi ác hiểm độc hành hạnh từ bi. Núi, hang đều là nơi hiểm ác. Phía tây là cạp trắng, là vàng là mùa thu, là hung hại. Nghĩa là ở trong cõi ác hành hạnh từ bi. Tất cả mọi nơi ở đông tây... mười phương đều thế. Chỉ ngồi trên tòa đá báu mà không có lầu gác cung điện, vì tâm từ bi kiên cố, không bỏ chúng sanh nơi cõi ác, luôn ở trong cõi ác, tùy thuận hiện thân, độ thoát chúng sanh không thối lui lay chuyển. Các Bồ-tát khác cũng ngồi trên tòa đá báu vì thường ở trong cõi ác, hiện thân hình như chúng sanh, không hiện sự trang nghiêm của báo ứng, thường giảng kinh từ bi cho mọi người, thuyết giảng pháp giải thoát từ bi cho Thiện Tài. Dù ở nơi nào cũng luôn đem lại lợi ích cho chúng sanh bằng ái ngữ, lợi hành, đồng sự. Từ câu: “Chỉ ta biết pháp từ bi của Bồ-tát” trở về sau là nói về sự thắng tiến.

(8) **Hồi Hướng tướng Chân thật:** Vì trí huệ của vị này tăng trưởng, tâm tánh đều là chơn như. Vị này chuyển trí chơn như vào trong sanh tử, không trụ nơi chơn như. Vị này chủ yếu là tu nguyện Ba-la-mật, chín Ba-la-mật kia là thứ yếu. Lúc ấy ở phương đông có Bồ-tát tên Chánh



Thú. Các vị trước đều ở phương nam, vì sao vị này lại ở phương đông? vì vị hồi hướng chuyển tâm chơn như vào thế tục, thành tựu hạnh từ bi. Vị thứ thứ bảy, thứ tám hòa hợp bi trí. Phương đông là trí, như mùa xuân là mùa cây cỏ đâm chồi nảy lộc. Phía tây là bi, mùa thu là mùa thu hoạch. Bồ-tát Chánh Thú là Trí, Bồ-tát Quan Âm là bi, trí bi hòa hợp không hai. Vị này từ nơi Phật Phổ Thắng sanh nước Diệu Trang ở phương đông đến. Thời gian vị ấy đến là vô số kiếp như số bụi trong cõi Phật. Mỗi tích tắc đi qua vô số cõi nước, cõi Phật nào cũng đến, cúng dường các thức. Những thứ ấy được hình thành từ tâm vô lượng và từ sự chứng nhập trí không tạo tác. Đi khắp mọi nơi giáo hóa chúng sanh (rõ như trong kinh). Thiện Tài thấy Bồ-tát Chánh Thú gặp Bồ-tát Quan Âm tiêu biểu sự hòa hợp bi trí. Hơn nữa, vị thứ bảy bi nhiều, Bồ-tát Chánh Thú đạt trí tăng trưởng, trở lại hành từ bi nên gặp Bồ-tát Quan Âm. Từ nơi Phật Phổ Thắng Sanh nước Diệu Tạng ở phương đông đi đến là pháp thân, không thân, trí huệ không hình tướng. Trí căn bản sáng suốt vốn thanh tịnh có khắp mười phương là Phật Phổ Thắng Sanh. Từ trí này có trí sai biệt, trong chốc lát hiện ở khắp các cõi Phật mười phương, cõi chúng sanh, tùy chúng sanh hóa hiện thân, cúng dường Phật, giáo hóa chúng sanh nhưng không đến đi. Tác giả nói kệ: Ví như mặt nguyệt nguyệt, hiển hiện trong biển sông, suối ao và đầm nước, không nơi nào không có, tướng nó không đến đi, ánh sáng soi cùng khắp, ánh sáng và bản chất, đồng tánh với hư không. Chúng sanh do nghiệp lực, tánh nghiệp không đến đi, trí căn bản cũng thế, thể tướng như hư không, ánh sáng chiếu ra mười phương, hiện trong nước chúng sanh, giáo hóa tất cả chúng, cúng dường các đức Phật, nhưng chẳng có người làm, vì trí vốn tự tại, công dụng nhuần mười phương, thân thông không thân thông, công dụng đều như vậy. Cứ thế với công dụng thân thông rộng lớn cúng dường các đức Phật. Đó đều là từ tâm vô thượng, từ pháp không tạo tác, vì thể của trí không tạo tác, có đủ vô số công đức tốt đẹp. Bồ-tát Chánh Thú, Quan Âm tiêu biểu cho sự hòa hợp bi trí, không có hai pháp. Vô số công đức của hồi hướng thứ mười đều không ngoài pháp bi trí của hồi hướng thứ bảy. Quan Âm là thể của từ bi, là bi trí rộng lớn không ngoài bản tánh. Dù là hàng mười địa, các đức Phật đều không ngoài Quan Âm. Trước đưa ra chuẩn mực, sau đều y theo đó. Từ câu: “Chỉ ta biết pháp giải thoát nhanh chóng cùng khắp của Bồ-tát” trở về sau là nói sự thăng tiến.

(9) *Hồi Hương giải thoát không đấm nhiễm*: Chủ yếu là tu lực Ba-la-mật, chín Ba-la-mật kia là thứ yếu. Phương nam có thành tên

Đạo La Bát Để (Trung Hoa dịch là Hữu Môn). Vì vị này là vị pháp sư thứ chín có pháp lớn. Trong đó có thần trời tên Đại Thiên. Gặp vị này Thiện Tài cung kính cúi lạy thỉnh cầu. Đại thiên dùng bốn tay lấy nước bốn biển, tự rửa mặt, lấy hoa vàng rải cúng Thiện Tài là bày tỏ sự cung kính người mới phát tâm. Dùng bốn tay là bốn nhiếp pháp, tự rửa mặt là dùng mắt trí thanh tịnh quán sát chúng sanh, biết khả năng của chúng mà chỉ dạy, nói pháp Vân Vọng cho Thiện Tài. Thiên là thanh tịnh, là từ bi là che chở, che chở nuôi lớn chúng sanh trong mười phương. Ví như mưa tuôn mưa thấm khắp, giáo hóa chúng sanh như lưới vớt chúng sanh. Vì thế dùng thần thông hóa vô số vật báu cho chúng sanh. Dùng năm cách quán dừng tâm, tùy theo khả năng lãnh thọ của chúng sanh mà giảng dạy. Nghĩa là người tu hành dùng trí hợp với trời và đạo mẫu vượt trên sự hiểu biết của tình thức, tuy trí làm việc ban bố cho tất cả, tùy chơn như dụng ông hợp với thần thông của trời, làm người bạn tốt. Đó là thể không tạo tác của trí căn bản, nên là thiên thần. Mọi pháp đều có từ đây nên cõi nước tên Hữu Môn. Từ câu: “Chỉ ta biết pháp Vân Vọng này của Bồ-tát” trở về sau là nói về sự thăng tiến.

(10) **Hồi Hương ngang bằng pháp giới**, chủ yếu tu trí Ba-la-mật, chín Ba-la-mật kia là thứ yếu. Cõi Diêm Phù Đề có nước... Vì pháp của vị hồi hương này cùng khắp. Đạo Tràng Bồ Đề nước Ma Kiệt, cõi Diêm Phù Đề tiêu biểu là vị này đạt thể của sự giác ngộ. Thần đất tên An Trụ. Thần trời trước là trí căn bản Thanh Tịnh. Vị này là thể của từ bi trong trí. Thần trời xuất hiện từ kho báu cõi trời. Thần đất xuất hiện từ kho báu trong đất, là phước đức của từ bi và là quả báo của việc lợi sanh. Thần trời là công dụng mẫu nhiệm của trí, thần đất là sự tịch tĩnh của trí bi. Động như luôn tịnh nên tên là an trụ không lay động. Tên đó có từ sự chấn động của trời, sự bền vững của đất. Hai vị này tượng trưng cho người tu hành ở trong sanh tử tu tập đạt bản chất của tịnh dụng. Quả của mười địa cũng có từ hai pháp này. Đây là mô hình mẫu để mười địa đẳng giác thành tựu viên mãn trí bi. Hai pháp này tuy hai nhưng lại là một. Vì trời là che, đất là chở. Vì sự mê muội lớn không ngoài pháp trí bi. Sự nuôi lớn của đất trời là do nghiệp của chúng sanh. Sự nuôi lớn của đạo là do sự linh diệu của trí bi. Trời đất không riêng biệt, mọi vật đều phát triển. Đạo lớn không riêng biệt, mọi loài đều được cứu độ. Không làm nhưng thành, thành tựu công dụng khắp mười phương, không tạo tác nhưng lại hình thành, công dụng khắp pháp giới. Vì vậy thần đất An Trụ dùng ngón chân ấn vào đất, xuất hiện vô số vật báu. Thần đất bảo Thiện Tài: Kho báu này là của người, đó là quả báu của căn lành từ

---

trước. Vị thần ấy kiên cố như đất, nên mặt đất xuất hiện báu vật trang sức thân, như thần trời mở kho báu, trời yên đất lặng là hình bóng của thần hợp đạo trí bi. Thần không làm nhưng phước đức ứng với vạn vật như người tu hành trí hợp với trời, trời yên, bi hợp với đất, đất lặng nuôi dưỡng mọi vật, thanh tịnh phước đức tự soi sáng. Vì thế, thần đất dùng ngón chân ấn vào đất, xuất hiện vô số báu vật. Vì khi bi trí vẹn toàn thì tự tại không cần dụng công, nhưng công dụng cùng khắp. Vì báu vật có từ quả báo phước đức trong trời đất, không do ý muốn và nghiệp, mà là do phước lực của trí bi không tạo tác nhưng tự tại cùng khắp pháp giới. Kinh dạy: Ta nhớ ngày xưa, từ thời Phật Nhiên Đăng đến nay, ta luôn cung kính ủng hộ Bồ-tát. Đó là động lực đầu tiên của sự phát tâm. Trí căn bản sáng suốt là Phật Nhiên Đăng, là động lực đầu tiên của sự phát tâm. Trải qua vô số kiếp như bụi đất của núi Tu Di, có kiếp tên Trang Nghiêm, cõi nước tên Nguyệt Tràng, đức Phật tên Diệu Nhân. Sự mê lầm hoặc chướng từ lúc phát tâm đến nay nhiều như kiếp số. Khi hết mê, đạt pháp thanh tịnh là Nguyệt Tràng, trí huệ mẫu nhiệm hiển hiện là Phật Diệu Nhân. Trí huệ ấy không có hình tướng, thể tánh của nó như hư không, không thể phá hoại, bao hàm mọi hiện tượng nên gọi là Tạng (chứa). Từ câu: “Chỉ ta biết Tạng trí huệ mẫu nhiệm không thể phá hoại” trở về sau là nói về sự thăng tiến.

Trên đây đã nói về mười hồi hương ở trong sanh tử thành tựu đầy đủ trí bi, ví như sự che chở mệnh mạng của trời đất, nên vị cuối cùng mượn thần trời đất làm sự tiêu biểu. Chín Dạ thần và người nữ Cù Ba ở vãn sau là mười địa nuôi lớn từ bi, phá vô minh sanh tử dằng dặc. Mười thiện tri thức trên đây thể hiện cho việc vào biển sanh tử, không ra khỏi cũng không đắm nhiễm để thành tựu trọn vẹn trí bi và Nhứt thiết trí. Công dụng như biển. Nếu dùng trí bi lớn lao ấy dần đạt đến chỗ không dụng công sẽ phá trừ đêm dài tăm tối, đi khắp mười phương, che chở mọi loài, tự tại độ sanh. Đó là Dạ thần của mười địa. Mười địa và Đăng giác đều nương nơi pháp mười Hồi Hương.

